

CHUỖI CUNG ỨNG KHOAI LANG HUYỆN BÌNH TÂN THEO HƯỚNG VIETGAP

Trần Hồng Đan Yến*, Hồ Ngọc Yến**

TÓM TẮT

Mục tiêu của nghiên cứu là phân tích thực trạng chuỗi cung ứng khoai lang: trường hợp sản phẩm khoai lang huyện Bình Tân – Vĩnh Long. Kết quả nghiên cứu cho thấy, bước đầu hoạt động của chuỗi mang lại một số hiệu quả đáng kể, sản xuất tập trung, chi phí sản xuất giảm, tạo ra sản phẩm hàng hóa chất lượng cao, ổn định. Tuy nhiên, các tác nhân trong chuỗi thiếu sự liên kết, đầu ra chưa được đảm bảo, chủ yếu bán cho thương lái, là những nguyên nhân làm cho chuỗi hoạt động không mang lại hiệu quả như kỳ vọng. Từ đó, đề xuất một số giải pháp đối với từng tác nhân chính tham gia trong chuỗi để thúc đẩy hoàn thiện hơn chuỗi cung ứng cho ngành hàng khoai lang của huyện Bình Tân.

Từ khóa: Chuỗi cung ứng, khoai lang Bình Tân

ABSTRACT

The objective of the study is to analyze the current status of the sweet potato supply chain: a case study of sweet potato in Binh Tan - Vinh Long. The research results show that the initial operation of the chain brings some significant effects such as concentrated production, reduced production costs, creating high quality and stable products,. However, the agents in the chain lack the link, the output is not guaranteed, mainly sold to traders, which causes the chain of activities is not as effective as expected. From these, the author proposes solutions for each of the main agent in the chain to completely promote the supply chain for sweet potato in Binh Tan district.

1. Giới thiệu

Khoai lang là một trong những sản phẩm chủ lực của tỉnh Vĩnh Long, là loại cây trồng cho hiệu quả kinh tế cao, thuận lợi cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ của ngành nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long. Diện tích toàn tỉnh năm 2016 là: 11.036,4 ha, trong đó

huyện Bình Tân chiếm 10.376,6 ha (chiếm 94,02%). Tập trung trồng nhiều ở các xã Tân Thành, Tân Hưng, Thành Trung, Thành Đông, Thành Lợi, với nhiều chủng loại như khoai lang tím nhạt, trắng sữa, trắng giấy, bí đường, khoai bí nghệ, dương ngọc... Việc gia tăng diện tích và sản lượng khoai lang trong thời gian qua phù hợp với chủ trương, chuyển đổi cơ cấu sản xuất cây trồng. Tuy nhiên, trên thực tế thì diện tích khoai lang tăng nhanh làm cho sản lượng thu hoạch tăng nhiều so với nhu cầu của thị trường, cộng với việc không thực

* Thạc sĩ, Phòng Đào tạo, trường Đại học Cửu Long

** Học viên cao học ngành Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Cửu Long

hiện đúng quy trình kỹ thuật đã làm cho chi phí sản xuất tăng cao, chất lượng thấp như sản phẩm không đạt tiêu chuẩn an toàn, dẫn đến sản phẩm khoai lang ít được cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại ở các địa phương khác như khoai lang Đà Lạt.

Bên cạnh đó, việc sử dụng giống và áp dụng kỹ thuật trong qui trình canh tác khoai lang của nông dân chưa thật sự phù hợp, do kiểu sản xuất bảo vệ củ khoai bằng biện pháp sử dụng nhiều phân bón và thuốc BVTV để đạt tiêu chuẩn phân loại của thương lái đã vô tình làm cho sản phẩm khoai lang có nguy cơ bị mất an toàn vệ sinh thực phẩm, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe con người và làm cho dịch bệnh trên cây khoai lang ngày càng gia tăng...

Việc mua bán khoai lang như thời gian qua cũng là vấn đề nan giải, thị trường chủ yếu lệ thuộc vào thương lái Trung Quốc, phương thức thu mua giữa thương lái và nông dân trồng khoai trong thời gian qua đều không có hợp đồng, chỉ thu mua theo thời vụ tại kho bãi, giá cả theo thị trường tại thời điểm thu mua. Việc mua bán khoai theo hình thức này thì không thể biết được độ lớn của thị trường như thế nào để cân đối diện tích sản xuất cho phù hợp, đặc biệt các thương lái nước ngoài chỉ tập trung mua giống khoai lang Tím Nhật và luôn có sự thay đổi về quy cách làm cho người sản xuất khoai lang không thể nắm được thị trường tiêu thụ, thiếu thông tin về giá cả và đầy rủi ro. Bên cạnh đó, sản phẩm làm ra chủ yếu theo hướng tự phát vì mục tiêu lợi nhuận trước mắt, nên tình trạng được mùa rớt giá gây nhiều khó khăn cho công tác chuyển đổi cơ cấu sản xuất tại địa phương và làm cho thu nhập của người dân bấp bênh, không ổn định.

Vào cuối năm 2013, Cục Sở hữu trí tuệ ra Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu tập thể cho “Khoai lang Bình Tân,

Vĩnh Long, Việt Nam” và nông dân đã có ý thức sản xuất ra sản phẩm khoai lang an toàn. Và bước tiến hơn nữa đã sản xuất sản phẩm khoai lang theo tiêu chuẩn VietGAP với diện tích 43 ha khoai lang nhằm từng bước tiến đến đưa cây khoai lang trở thành một mặt hàng nông sản chủ lực xuất khẩu của huyện, nâng cao giá trị gia tăng và cạnh tranh. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện vẫn còn nhiều mặt hạn chế cần được khắc phục, như chi phí sản xuất còn cao chưa mang lại hiệu quả tối ưu, năng suất không ổn định, tìm kiếm mở rộng thị trường tiêu thụ vẫn còn là bài toán khó. Đánh giá thực trạng sản xuất, tiêu thụ khoai lang, làm cơ sở cho việc xây dựng một chuỗi cung ứng hoàn chỉnh, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững khoai lang huyện Bình Tân trong bối cảnh thị trường ngày nay là một yêu cầu cấp thiết. Chính vì những lý do đã nêu, đề tài **“Phân tích chuỗi cung ứng khoai lang huyện Bình Tân theo hướng VietGAP”** là vấn đề cần thiết để nghiên cứu.

2. Cơ sở lý thuyết và khung phân tích

2.1. Mục tiêu của nghiên cứu

Nghiên cứu nhằm đạt được 3 mục tiêu cụ thể như sau:

- (1) Đánh giá thực trạng xây dựng chuỗi cung ứng khoai lang huyện Bình Tân;
- (2) Phân tích các tác nhân ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng khoai lang huyện Bình Tân;
- (3) Đề xuất giải pháp hoàn thiện và phát triển chuỗi cung ứng khoai lang trên địa bàn nghiên cứu.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thành 3 mục tiêu nghiên cứu như trên, tác giả sử dụng Phương pháp nghiên cứu được thực hiện chủ yếu bằng phương pháp nghiên cứu định tính, kết hợp trao đổi chuyên gia.

Trong khoảng thời gian từ 3/2017 đến 9/2017 tác giả đã tiến hành phỏng vấn khảo sát, 60 nông hộ và chuyên gia tại huyện Bình Tân, kết quả khảo sát nhằm tìm hiểu tình hình sản xuất và tiêu thụ khoai lang, giúp tìm ra những nhân tố tác động đến chuỗi cung ứng, tìm ra thực trạng sản xuất, tiêu thụ, đồng thời xác định những điểm mạnh điểm yếu trong quá trình hoạt động của chuỗi cung ứng.

Số liệu được thu thập bao gồm: số liệu sơ cấp và số liệu thứ cấp.

- Thông tin thứ cấp được thu thập qua các báo cáo thường niên, tạp chí khoa học, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan, báo, internet, niên giám thống kê ...

- Thông tin sơ cấp được thu thập từ phỏng vấn trực tiếp các tác nhân tham gia vào chuỗi cung ứng. Kết hợp phỏng vấn sâu chuyên gia, thống kê mô tả, sơ đồ chuỗi, so sánh và một số phương pháp phân tích khác.

Nhằm hoàn thiện và phát triển chuỗi cung ứng khoai lang tác giả đã sử dụng phương pháp thống kê mô tả, phân tích, so sánh. Kết hợp với phỏng vấn sâu 3 chuyên gia trong ngành làm cơ sở đề xuất những giải pháp và kiến nghị.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1 Thực trạng sản xuất khoai lang tỉnh Vĩnh Long

Bảng 1: Diện tích, sản lượng và phân bố khoai lang tỉnh Vĩnh Long (2012 – 2017)

STT	Nội dung	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017 (trớc)
1	Tổng diện tích	ha	11.165	10.083,3	11.936,3	11.310,6	11.036,4	12.164
	Bình Tân	ha	10.563	8.909,8	10.671,6	10.204,4	10.376,6	
	Bình Minh	ha	916	853,0	942,9	763,9	344,2	
2	Năng suất bình quân	tạ/ha	292,97	287,26	287,51	274,42	266,67	
	Bình Tân	tạ/ha	293,48	287,42	288,24	274,75	266,64	
	Bình Minh	tạ/ha	291,15	287,15	284,71	274,12	270,08	
3	Sản lượng	tấn	344.679	289.650	343.173	310.384	294.306	319.600
	Bình Tân	tấn	310.012	256.085	307.602	280.364	276.680	
	Bình Minh	tấn	26.658	24.493	26.845	20.940	9.296	

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Vĩnh Long 2012-2016)

Theo quy hoạch nông nghiệp thì đến năm 2015 diện tích khoai lang toàn tỉnh Vĩnh Long là 9.100 ha và đến năm 2020 là 12.300 ha. Tuy nhiên, diện tích trồng khoai lang đã tăng đột biến từ năm 2011 tới nay (năm 2012 và năm 2014 diện tích trồng khoai lang đạt gần 12.000 ha và trong năm 2015 đạt 11.310,6 ha)

đã làm cho sản lượng thu hoạch tăng nhiều so với nhu cầu của thị trường công với việc nông dân tập trung trồng giống khoai Tím Nhật và thực hiện không đúng qui trình kỹ thuật làm cho chất lượng khoai không đạt yêu cầu xuất khẩu nên đã dẫn đến tình trạng tiêu thụ gặp nhiều khó khăn. Nếu trùng vào thời điểm sản

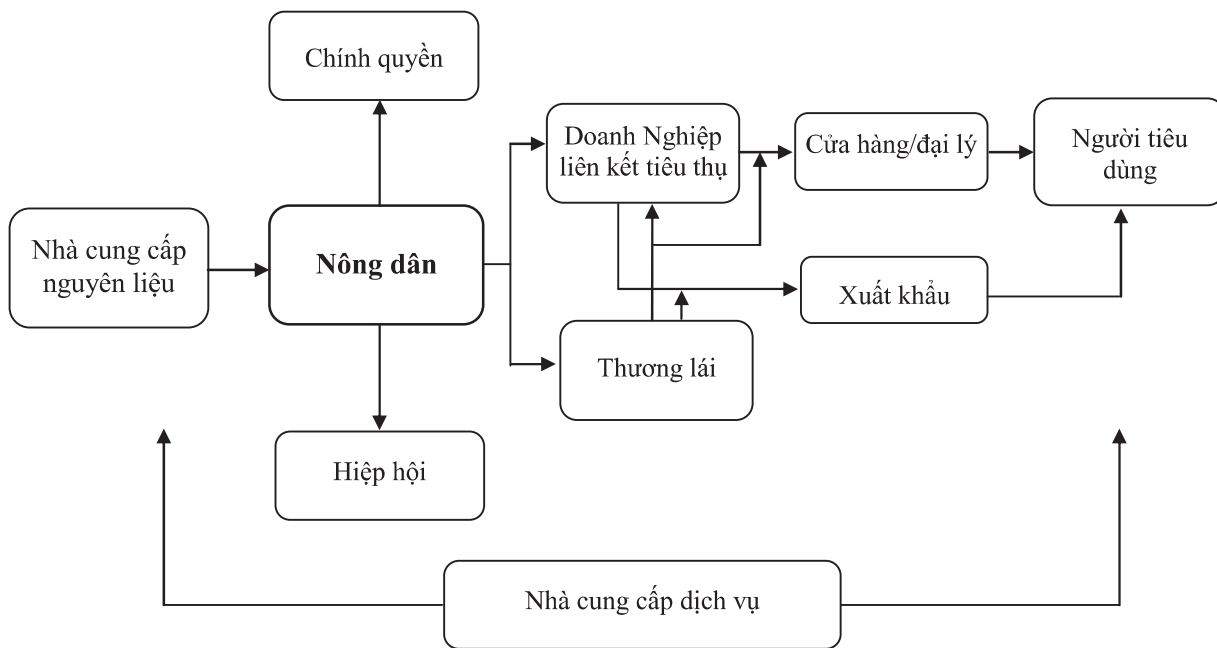
lượng khoai lang trên thị trường thế giới tăng cao do nhiều nơi cũng đang vào vụ thu hoạch thì giá khoai lang sẽ bị sụt giảm nghiêm trọng, nông dân phải bán với giá thấp và bị lỗ nặng (thời điểm giữa năm 2012, 2014 và 2015). Ngoài ra, việc nông dân tập trung trồng giống khoai lang Tím Nhật chiếm tỷ lệ cao cũng là vấn đề gây khó khăn cho khâu tiêu thụ, bởi vì giống khoai này chỉ thích hợp cho xuất khẩu nhưng thị trường trong nước thì khó tiêu thụ.

- Sức cạnh tranh của khoai lang với các loại cây trồng khác trên địa bàn tỉnh: xét về quy mô sản xuất, khoai lang là cây trồng có quy mô sản xuất lớn thứ ba sau lúa và rau các loại trong các cây hàng năm trên địa bàn tỉnh. Xét về hiệu quả kinh tế, cây khoai lang mang lại hiệu quả kinh tế cao, mức thu nhập cho 1 ha khoai lang là 250,9 triệu đồng cho 2 vụ. Xét về tập quán và kỹ thuật sản xuất: sau thời gian trồng thâm canh nhưng chưa có nhiều tiến bộ kỹ thuật được ứng dụng có biểu hiện thoái hóa giống. Xét về thích nghi cây khoai

lang phát triển được trên nhiều loại đất song thích hợp hơn với các vùng đất có thành phần cơ giới nhẹ. Xét về thị trường tiêu thụ có các tín hiệu mở rộng ở một số nước như Nhật Bản, Hàn Quốc, Malaysia song số lượng còn hạn chế, 86% sản lượng khoai lang xuất khẩu theo đường tiểu ngạch sang Trung Quốc. Như vậy, khả năng cạnh tranh của cây khoai lang trong các cây trồng của tỉnh là khá lớn, so với cây trồng khác hiện tại không nhiều do hệ thống bảo quản, chế biến còn khiêm, tiêu thụ còn phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc. Định hướng đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 chỉ nên ổn định diện tích khoai lang hiện có và đẩy mạnh phát triển cơ sở bảo quản, chế biến và thực hành các quy trình sản xuất tốt để gia tăng sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn.

3.2 Chuỗi cung ứng khoai lang

Mô hình chuỗi cung ứng khoai lang huyện Bình Tân được thể hiện qua hình 1 dưới đây:



(Nguồn: Nghiên cứu của tác giả, 2017)

Hình 1: Chuỗi cung ứng khoai lang huyện Bình Tân tỉnh Vĩnh Long

Kết quả khảo sát cho thấy, các tác nhân trong chuỗi cung ứng khoai lang huyện Bình Tân chỉ liên kết theo hướng một chiều, từ nhà cung cấp cung cấp đầu vào như giống, phân bón, thuốc trừ sâu..., tạo điều kiện cho nông dân sản xuất tạo ra sản phẩm có chất lượng theo quy trình VietGAP. Tuy nhiên, người hưởng lợi nhất trong chuỗi này lại là thương lái, phần lớn sản lượng thu hoạch được chủ yếu bán cho thương lái với giá cả bấp bênh, không ổn định. Thực tế, các tác nhân trong chuỗi cung ứng chưa thực sự liên kết nhau để tạo thành một chuỗi hoàn chỉnh, hoạt động đạt hiệu quả tối ưu.

3.3. Phân tích chuỗi cung ứng khoai lang huyện Bình Tân theo hướng VietGAP

3.3.1. Phân tích kết quả hoạt động của các tác nhân trong chuỗi cung ứng khoai lang

Trong chuỗi cung ứng khoai lang huyện Bình Tân, nông dân đóng vai trò quan trọng nhất trong chuỗi. Nguồn nguyên liệu đầu vào thường do nông dân chủ động như chọn giống, phân bón, thuốc trừ sâu... và nhận được sự hỗ trợ về tập huấn kỹ thuật trồng trọt như điều trị khi bị dịch bệnh, những thay đổi tăng trưởng do biến đổi khí hậu.

Năng suất khoai lang đạt trung bình từ 30 tạ/ha đến 54 tạ/ha, sản lượng khoai lang được tiêu thụ nhờ vào việc thu thập thông tin và kinh nghiệm sản xuất của người trồng khoai. Phần lớn thương lái là tác nhân chính thu mua khoai lang thô của người dân từ ruộng khoai chiếm 86%, doanh nghiệp và doanh nghiệp liên kết tiêu thụ chỉ chiếm 14%.

Vì chủ yếu khoai lang được bán thô và phải qua trung gian là thương lái nên giá cả bán ra không cao, bấp bênh, việc tiêu thụ chưa

ổn định, chưa tạo được vị thế cạnh tranh. Kết quả thu về thường không được như kỳ vọng của người dân.

3.3.2. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu của chuỗi cung ứng khoai lang huyện Bình Tân

**** Điểm mạnh:***

- Với lượng phù sa màu mỡ do sông Tiền và sông Hậu bồi đắp quanh năm, khí hậu nhiệt đới gió mùa, hệ thống sông ngòi chằng chịt kết hợp với hệ thống kênh mương nội đồng giúp tạo khả năng tưới tiêu và thoát nước tốt.

- Phát triển, ổn định diện tích trồng khoai lang là một trong những nông sản chủ lực, nhất là tập trung tại huyện Bình Tân là chủ trương, mục tiêu hành động trong đề án tái cơ cấu ngành Nông nghiệp của Tỉnh. Ưu tiên, tạo điều kiện cho sản xuất khoai lang theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Để sản xuất khoai lang theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGap, nông dân được tham gia các lớp tập huấn kỹ thuật gieo trồng chất lượng cao, tạo nên thương hiệu và nâng cao giá trị sản phẩm.

- Ngày càng nhiều hợp tác xã được hình thành chú trọng đến việc tạo vùng nguyên liệu chất lượng cho các doanh nghiệp, giảm thiểu chi phí sản xuất, tăng chất lượng sản phẩm, cũng như tăng giá trị đầu ra;

- Cục Sở hữu trí tuệ đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu tập thể cho "***Khoai lang Bình Tân, Vĩnh Long, Việt Nam***".

- Theo y học, trong khoai lang có nhiều thành phần dinh dưỡng có lợi cho sức khỏe, trị được nhiều thứ bệnh cho con người.

*** Điểm yếu:**

- Chưa chú trọng trong việc chọn giống, còn thói quen mua giống giá rẻ, không chất lượng;

- Việc tiêu thụ gặp nhiều khó khăn, nông dân tiêu thụ sản phẩm luôn ở thế bị động;

- Chất lượng, năng suất không đồng đều, chưa phát huy hết tiềm năng hoạt động;

- Kinh phí hỗ trợ hạn chế so với nhu cầu thực tế, chưa có doanh nghiệp hay tổ chức tín dụng có những cơ chế hỗ trợ đầu tư lâu dài;

- Các tác nhân trong chuỗi chưa tạo thành mối xích liên kết chặt chẽ từ khâu kỹ thuật sản xuất, thông tin, giá cả, nhu cầu của thị trường;

- Chưa có nhà máy chế biến hoặc kho dự trữ khoai lang sau thu hoạch, đa dạng hóa sản phẩm khoai lang chưa nhiều.

*** Cơ hội:**

- Trong sản xuất nông nghiệp, cây khoai lang dần đang được quy hoạch là một trong những cây trồng chủ lực;

- Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước từ các sản phẩm khoai lang tăng cao, dẫn đến việc tiêu thụ khoai lang tươi từ những năm gần đây tăng mạnh;

- Được chứng nhận nhãn hiệu tập thể, làm đòn bẩy thuận lợi cho việc phát triển hoạt động sản xuất, liên kết tiêu thụ, quảng bá sản phẩm;

- Trong thời kỳ hội nhập, việc cạnh tranh lành mạnh ngày càng được chú trọng và quan tâm, đó cũng là một trong những cơ hội cho khoai lang Việt Nam tạo được thương hiệu trên chính trường quốc tế;

- Được hưởng một số chính sách ưu đãi của tỉnh và Nhà nước;

- Khoai lang có thể chế biến thành nhiều món ăn phục vụ sức khỏe.

*** Thách thức:**

- Giá cả thị trường đầu ra không ổn định, gây ảnh hưởng đến lợi nhuận của người trồng khoai;

- Việc gieo trồng chưa được quy hoạch cụ thể, phần lớn vẫn sản xuất theo hộ nhỏ lẻ, kỹ thuật không đồng đều, dẫn đến hệ quả không hạ được chi phí sản xuất, cũng như không tạo ra vùng nguyên liệu có chất lượng ổn định;

- Khoai Bình Tân chủ yếu được bán với dạng thô, nên thường giá cả không ổn định, chủ yếu xuất khẩu vào các phân khúc thị trường cấp thấp;

- Còn lệ thuộc rất nhiều vào thị trường Trung Quốc;

- Việt Nam nói chung và khu vực ĐBSCL nói riêng còn là một trong những quốc gia gánh chịu ảnh hưởng nặng nề bởi biến đổi khí hậu.

- Cạnh tranh với khoai lang Đà Lạt.

4. Giải pháp và kiến nghị**4.1 Giải pháp phát triển chuỗi cung ứng khoai lang theo hướng VietGAP**

Phát triển, hoàn thiện chuỗi cung ứng khoai lang theo hướng VietGAP sao cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn, nâng cao uy tín, mở rộng thị trường tiêu thụ, đặc biệt thị trường nước ngoài. Để thực hiện tốt việc trên, theo tác giả cần quan tâm đến một số việc sau:

- Đề hướng đến hoàn thiện chuỗi cung

ứng khoai lang sạch của tỉnh, nhất là mở rộng hướng đến thị trường xuất khẩu. Sản xuất phải có ghi chép sổ tay nhật ký VietGAP nhằm đảm bảo khoai lang đạt chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm và phải phát triển sản xuất theo hướng sạch, an toàn. Trong đó người sản xuất khoai phải thay đổi thói quen sử dụng tùy tiện thuốc BVTV, cách tưới xả như từ trước đến nay bằng việc sử dụng đúng cách, theo hướng dẫn của các nhà chuyên môn để sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn là cần thiết.

- Cần duy trì việc tập huấn kỹ thuật phục vụ cho sản xuất, bao gồm nhà nông, đội ngũ cán bộ kỹ thuật, quản lý, chủ nhiệm HTX, tổ trưởng sản xuất... nâng cao việc tuyên truyền nhận thức về vai trò, lợi ích của việc cho ra đời những sản phẩm sạch, an toàn. Đối với ban chủ nhiệm HTX, tổ trưởng tổ sản xuất: tập huấn về quản lý kinh tế, chuyên môn nghiệp vụ trong việc xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, các quy trình trong ký kết hợp đồng tiêu thụ... Đối với cán bộ: nâng cao kiến thức kỹ thuật về sản xuất nông nghiệp để hỗ trợ nông dân.

- Năng lực hoạt động của các tác nhân trong chuỗi còn nhiều hạn chế, đặc biệt là tình trạng thiếu vốn, kỹ thuật canh tác, nên quy mô sản xuất và khả năng đáp ứng nhu cầu chất lượng cho thị trường chưa được như kỳ vọng, đây còn là một điểm yếu của chuỗi. Do đó cần được sự quan tâm hỗ trợ từ phía các ban ngành có liên quan. Để làm được điều này, cần phải có những điều chỉnh về qui mô sản xuất, cơ cấu giống, lịch thời vụ, kỹ thuật canh tác và nhất là phải hợp tác, liên kết trong sản xuất lẫn tiêu thụ, hay nói cách khác là người trồng khoai cần phải chuyên nghiệp hơn trong sản xuất và tiêu thụ khoai lang theo hướng sản xuất bền vững. Điều này đặt ra nhiều yêu cầu

và thách thức cho nông dân trồng khoai, bởi vì kiểu sản xuất cá thể theo tập quán truyền thống đã tồn tại trong nhiều năm nay, cần có thời gian để tổ chức sắp xếp lại.

- Xây dựng vùng nguyên liệu và tổ chức liên kết lại theo hình thức tổ hợp tác hoặc hợp tác xã để tạo điều kiện cho việc thương thảo ký kết hợp đồng tiêu thụ với các doanh nghiệp, đảm bảo cân đối thị trường đem lại lợi nhuận cho người trồng; tránh tình trạng thương lái không mua hoặc mua ép giá. Ngoài ra, việc tăng cường các hoạt động chế biến khoai lang làm thực phẩm, làm thức ăn chăn nuôi hoặc làm nhiên liệu, dược liệu,... để có thể giải quyết một phần đầu ra tại chỗ cho nông dân.

- Để thực hiện mở rộng mô hình sản xuất theo diện tích cánh đồng lớn, Nhà nước cần có cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng vùng nguyên liệu gắn liền với chế biến, bảo quản và tiêu thụ nông sản sạch. Tăng cường các chính sách, hỗ trợ giúp nông dân tìm nguồn vốn (sản xuất, đầu tư kỹ thuật...) dễ dàng hơn thông qua các ngân hàng, quỹ tín dụng, với mức lãi suất ưu đãi và thời hạn vay dài từ 5–10 năm. Đồng thời xây dựng nhà máy sơ chế, bảo quản, chế biến. Bên cạnh đó, có chính sách bao tiêu giúp nông dân nhằm bình ổn giá cho nông dân.

- Tăng cường khả năng tiếp cận thông tin thị trường, đây cũng là một trong những hạn chế của chuỗi, nhất là thông tin về số lượng, giá cả, chất lượng sản phẩm các hộ trồng khoai chỉ nắm được chủ yếu thông qua các hộ khác, giá bán trên phạm vi hoạt động trong vùng. Thông thường, những kênh thông tin này thường không được cập nhật thường xuyên và đầy đủ, thiếu tính khách quan.

4.2 Kiến nghị

- Đối với nông hộ sản xuất khoai lang: cần liên kết chặt chẽ, chia sẻ thông tin với nhau, tích cực tham gia các lớp tập huấn, đào tạo về sản xuất nông sản sạch. Nên kết hợp sử dụng phân bón hữu cơ, phân vi sinh, giảm giá thành sản xuất, tái tạo lại đất trồng. Kết hợp việc sử dụng các thuốc bảo vệ thực vật từ các chế phẩm sinh học, tránh làm hại và tạo môi trường thích hợp cho những thiên địch phát triển, cập nhật thông tin dịch hại để có biện pháp phòng tránh kịp thời.

Đảm bảo quy trình sản xuất rau sạch theo các tiêu chuẩn VietGap, GlobalGap... Tiếp tục duy trì mở rộng diện tích sản xuất sạch, ứng dụng các giống mới đem lại chất lượng cao cho sản xuất, tăng cường kiểm soát chất lượng sản phẩm. Chủ động trong việc tìm nguồn đầu ra cho sản phẩm, không chỉ tại thị trường nội địa mà còn hướng đến các thị trường xuất khẩu, tránh lệ thuộc vào thương lái và thị trường Trung Quốc.

- Đối với doanh nghiệp: Chủ động trong liên kết thị trường trực tiếp với nông dân, không qua trung gian, tập huấn cho nông dân các quy trình kỹ thuật canh tác tiên tiến, tăng cường hỗ trợ vật tư nông nghiệp, giống chất lượng cao, cấp vốn bằng hình thức ứng trước vật tư nông nghiệp, hoàn vốn sau thu hoạch. Xây dựng vùng nguyên liệu sản xuất công nghệ cao, sản phẩm sạch.

Thành lập thêm kho bảo quản lưu trữ khoai lang đạt chất lượng cho nông dân ký gởi khi giá khoai lang tiêu thụ thấp, tiến đến tạo thành vùng nguyên liệu ổn định sản xuất với quy mô hàng hóa lớn. Tiếp tục đầu tư chuẩn hóa các qui trình sản xuất theo các tiêu chuẩn

trong nước và quốc tế tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, an toàn cho người tiêu dùng.

- Đối với Sở Nông nghiệp & PTNT Vĩnh Long: lập kế hoạch sản xuất, thông báo kịp thời những thông tin dịch bệnh kịp thời trên cây khoai lang. Kết hợp, tổ chức các cuộc hội thảo nông dân trao đổi kinh nghiệm, tiêu thụ sản phẩm giữa các tổ sản xuất. Thông tin kịp thời các hoạt động, kỹ thuật sản xuất trong nông nghiệp, cung cấp cũng như hỗ trợ hướng dẫn sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn sạch bệnh trên cây khoai lang. Cung cấp các chủ trương chính sách nông nghiệp, văn bản pháp luật ngành, thông tin về thị trường nông sản thông qua các chương trình như: bạn nhà nông, nhà nông thời hội nhập, bản tin giá cả thị trường, website...

Phối hợp với Sở Khoa học Công nghệ thực hiện các dự án về hỗ trợ phát triển thương hiệu, xuất xứ tên gọi hàng hóa, hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế...

Chủ trì phối hợp với các địa phương thực hiện các chính sách hỗ trợ cho khoai lang Bình Tân để phát triển chuỗi cung ứng trong hội nhập.

- Đối với chính quyền, cơ quan chức năng: ban hành những chính sách hỗ trợ đất đai, thuế, hỗ trợ kinh phí, ưu tiên vay vốn cho những nông dân, doanh nghiệp tham gia tốt mô hình sản xuất. Thông báo, chỉ đạo kịp thời cho nông dân ứng phó với những biến đổi khí hậu, hỗ trợ cho các tỉnh kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất.

Tích cực tuyên truyền, khuyến khích nông dân nhận thức được vai trò quan trọng việc xây dựng mô hình vùng chuyên canh sản xuất khoai sạch, an toàn.

Tiếp tục duy trì các chính sách hỗ trợ tiêu thụ, xúc tiến thương mại, thông qua việc tổ chức các hội chợ giới thiệu sản phẩm, mở các buổi giao lưu, hội thảo tạo cầu nối giữa nông dân và doanh nghiệp, tổ chức thu mua nông sản sạch.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lambert, Douglas M., James R. Stock and Lisa M. Ellram (1998), *Strategic Logistic Management. MA: Irwin/McGraw-Hill. Boston, Chap 14.*
2. Michael Hugo (2011), *Essentials of supply chain management, third Editons.* Published by John Wiley & Sons, Inc., Hoboken, New Jersey, Canada.
3. Trần Thị Ba, Trần Văn Hai (2009), *Giáo trình Kỹ thuật sản xuất rau sạch*, Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ.
4. Nhóm khảo sát Trung tâm nghiên cứu kinh doanh và Hỗ trợ doanh nghiệp: Trần Hoàng Tuyên, Nguyễn Văn Phụng, Lê Nguyễn Ngọc Bích, Mã Thị Cẩm Hằng, Lê Thành Đạt (2017), *Báo cáo chuyên đề xây dựng các chương trình tư vấn phát triển sản phẩm, xúc tiến thương mại và đầu tư vùng khoai lang Bình Tân.*
5. Đoàn Thị Hồng Vân (2011), *Quản trị cung ứng*, Tái bản lần 1, Nhà xuất bản Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
6. Điều chỉnh quy hoạch phát triển nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.
7. Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long (2017), Quyết định số: 879 /QĐ-UBND về “*Kế hoạch thực hiện Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2017-2020, tầm nhìn đến năm 2030*”. Địa chỉ: <https://m.thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/quyet-dinh-879-qd-ubnd-2017-thuc-hien-de-an-co-cau-lai-nganh-nong-nghiep-vinh-long-352314.aspx>.
8. Niên giám thống kê 2012, 2013, 2014, 2015, 2016.

Ngày nhận bài: 9/11/2017

Ngày gửi phản biện: 12/12/2017